



Đối chiếu giới từ trong tiếng Anh và tiếng Việt

Tạ Thị Thanh Huyền^{a*}

^aTrường Đại học Tân Trào

*Email: icystar150884@gmail.com

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

13/02/2019

Ngày duyệt đăng:

10/9/2019

Tóm tắt

Trong bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung vào nghiên cứu, đối chiếu các đặc điểm cơ bản nhất của giới từ chứ không nghiên cứu, đối chiếu tất cả những đặc điểm ngữ pháp cũng như ngữ nghĩa của giới từ tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra chúng tôi sẽ đưa ra một vài ví dụ cụ thể để làm rõ những đặc điểm của giới từ.

Từ khóa:

Giới từ, đối chiếu, chức năng, tiếng Anh, tiếng Việt

1. Đặt vấn đề

Một trong những khó khăn đối với người học và người dịch Tiếng Anh cũng như Tiếng Việt là giới từ. Giới từ đóng vai trò rất quan trọng trong diễn đạt ngôn ngữ. Khi không sử dụng thành thạo các giới từ thì không thể nói Tiếng Anh tốt. Vì vậy, giới từ là một phần rất quan trọng và cần thiết trong quá trình dạy và học ngoại ngữ. Khi không phân biệt được các nhóm giới từ và cách sử dụng của từng loại giới từ thì người học sẽ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả học tập.

2. Khái niệm giới từ

2.1. Giới từ trong lý luận đại cương

Trong ngôn ngữ học đại cương, giới từ đã được nói đến từ thời cổ đại Hy Lạp. Aristotle (384-322 trước CN) là người đầu tiên phân định từ thành các loại: nói từ, danh từ, động từ, tính từ v.v... Từ nói mà ông đề cập bao gồm liên từ và giới từ (preposition). Về sau các học giả thuộc trường phái Alexandria cũng xếp các từ thành tám từ loại khác nhau, trong đó có giới từ được định nghĩa “là những từ phụ đứng trước các từ khác”. Việc nghiên cứu các từ loại nói chung và giới từ nói riêng được tiếp nối trong nhiều công trình ở Nga và các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ, ở Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Canada, Ô-xtray-li-a v.v...

2.2. Giới từ trong tiếng Anh hiện đại

Khi nghiên cứu về giới từ Tiếng Anh, các nhà ngữ pháp học nhìn chung đều xếp giới từ vào loại từ chức năng (Function words), từ nối (Linking words), tiêu biểu là các tác giả: A.Gleason, J.H.Heaton, W.S.Allen, R.Quirk, S.Geenbaum, G.Leech, J.Svartvik, M.A.K.Hailiday, R.Huddleston...

Các nhà nghiên cứu của Việt Nam cũng đưa ra những ý kiến khác nhau về giới từ:

- Nguyễn Xuân Khánh và Nguyễn Thanh Chương, “*Vấn phạm tiếng Anh thực hành*”: “Giới từ là một từ hoặc một nhóm từ nối danh từ hoặc một từ tương đương danh từ với các phần khác của một câu”.

- Phan Thị Hồng Nhung và Nguyễn Bảo Trang, “*Tổng ôn tập kiến thức tiếng Anh*” thì “Giới từ là loại từ thể hiện mối quan hệ giữa các danh từ, đại từ, tính từ và động từ với các từ khác trong một câu. Thường các giới từ xuất hiện trước danh từ, ngữ danh từ hoặc mệnh đề danh ngữ”.

- Mai Lan Hương và Hà Thanh Uyên, “*Giải thích ngữ pháp tiếng Anh*”, “Giới từ là từ hoặc nhóm từ thường được dùng trước danh từ hoặc đại từ để chỉ sự liên hệ giữa danh từ hoặc đại từ này với các thành phần khác trong câu”.

- Xuân Bá, “*Cảm nang sử dụng giới từ tiếng Anh*”, “Giới từ là từ được dùng để chỉ mối quan hệ giữa những cụm từ hoặc từ tương đương danh từ với một số từ khác trong câu. Trong trường hợp này, danh từ hoặc từ tương đương danh từ là tân ngữ của giới từ”.

Qua các ý kiến nói trên, có thể rút ra những đặc điểm sau đây của giới từ tiếng Anh:

2.2.1. Về mặt hình thức:

- Giới từ không có khả năng trực tiếp, độc lập làm thành phần của cụm từ và câu mà chỉ có khả năng nối kết các thành phần của cụm từ và thành phần câu.

- Giới từ thường đứng trước danh từ (hoặc đại từ) để tạo thành một cụm từ gọi là “giới ngữ”. Chính vì lý do này mà giới từ trong Tiếng Anh được gọi là “preposition” (pre: trước, position: vị trí).

2.2.2. Về mặt ý nghĩa:

- Giới từ không phải là đơn vị định danh, tức là không biểu thị sự vật, sự kiện, hiện tượng, đại lượng, hành động v.v... mà chỉ có tác dụng xác định mối quan hệ giữa các từ mà chúng liên kết. Quan hệ được đề cập đến ở đây chủ yếu là quan hệ chính - phụ.

- Trong Tiếng Anh, giới từ cần được phân biệt với một số từ loại khác như tiểu trạng từ (adverbial particles), liên từ (conjunction).

- Tiểu trạng từ là những từ có cùng dạng nhưng khác về chức năng cú pháp so với giới từ. Tiểu trạng từ không chỉ mối quan hệ giữa danh từ hay đại từ với một số từ loại khác nhau mà làm trạng ngữ (hay liên ngữ) để bổ nghĩa cho động từ. Chúng có thể đứng một mình làm chức năng đó mà không có danh từ hay đại từ kèm theo sau.

- Ví dụ :

+ A car drove *past* (Một cái xe chạy qua)

+ The book I wanted was *out* (Quyển sách tôi cần không còn nữa)

- Một số liên từ cụ thể cùng dạng với giới từ như: **as** (khi), **after** (sau khi), **before** (trước khi), **but** (nhưng mà), **for** (bởi vì), **since** (từ khi), **than** (hơn), **till** (cho đến khi), **until** (cho đến khi), **up** (lên) v.v...

2.2.3. Về mặt chức năng

- Đứng sau danh từ để bổ nghĩa cho danh từ

Ví dụ 1: All of the students **in this class**. (*Cụm từ in this class* bổ nghĩa cho danh từ “students”)

Ví dụ 2: The new book **about Chinese food**. (*Cụm từ about Chinese food* bổ nghĩa cho từ “book”)

- Đứng sau động từ “to be”

Ví dụ 3: Anne is **at home** right now. (*Cụm từ at home* đứng sau động từ “to be” để bổ nghĩa cho chủ ngữ)

Ví dụ 4: That brush is **for cooking** only. (*Cụm từ for cooking* đứng sau động từ “to be” để bổ nghĩa cho chủ ngữ)

- Làm thông tin nền trong câu

Ví dụ 5: My father is watering the flowers in the garden. (*Cụm từ “in the garden”* đóng vai trò là thông tin nền trong câu, chỉ ra địa điểm mà hành động tưới cây xảy ra)

3. Đối chiếu giới từ tiếng Anh với giới từ tiếng Việt về đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa

3.1. Đối chiếu giới từ tiếng Anh với giới từ tiếng Việt về đặc điểm ngữ pháp

3.1.1. Đối chiếu về chức năng ngữ pháp

3.1.1.1. Những đặc điểm giống nhau:

a. Giới từ trong hai ngôn ngữ đều không có khả năng một mình tạo thành câu, kể cả câu nói tắt cũng không có khả năng một mình làm thành phần câu.

b. Giới từ trong hai ngôn ngữ đều biểu hiện quan hệ chính phụ, tức là để kết nối thành tố phụ vào thành tố chính trong cụm từ và câu. Giới từ thường có xu hướng gắn với thành tố phụ hơn là thành tố chính.

Ví dụ: Quyển sách nằm trên bàn. (*There is a book on the table*)

3.1.1.2. Những điểm khác nhau:

a. Trong Tiếng Việt, kết hợp của giới từ với các từ đứng sau có thể được dùng như vị ngữ của câu.

Ví dụ:

- Chiếc bình đó *bằng thủy tinh*.

- Lỗi này *tại bạn*.

- Nhãn này *để tặng em*

- Quyển sách kia là *của tôi*.

Giới ngữ cũng có thể được dùng như chủ ngữ của câu:

Ví dụ:

- *Ở nhà* có gửi thư cho tôi không

- *Trong nhà* đang ăn cơm.

b. Giới ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt đều có thể làm định ngữ nhưng khả năng đảm nhiệm chức năng này của các giới ngữ cụ thể trong hai ngôn ngữ không giống nhau.

3.1.2. Đối chiếu về vị trí của giới từ trong câu

3.1.2.1. Những điểm giống nhau:

a. Trong Tiếng Anh và Tiếng Việt nói chung, giới từ bao giờ cũng đứng ngay trước danh từ, đại từ hoặc từ ngữ tương đương mà nó chi phối.

Ví dụ: I live *in* Son Duong. (*Tôi sống ở Son Duong*)

b. Giới từ Tiếng Anh cũng như Tiếng Việt có thể đứng cuối câu trong mệnh đề phụ định ngữ (attributive clause)

Ví dụ: He is the man (that) nobody wants to talk about. (*Nó là người mà chẳng có ai thèm nói đến*).

c. Trong cả Tiếng Anh lẫn Tiếng Việt, giới từ đều có thể đứng ở đầu những câu có mệnh đề nguyên mẫu ("*to*"-infinitive clauses) để biểu thị nghĩa mục đích hoặc đứng ở đầu câu trong các cấu trúc giới ngữ làm trạng ngữ.

Ví dụ:

- *For the attack to succeed*, surprise was essential. (*Để cho cuộc tấn công giành thắng lợi*, yếu tố bất ngờ là cần thiết).

- *For your voices*, I have fought (Shakespeare) (*Vì tiếng gọi của em*, anh đã chiến đấu)

3.1.2.2. Những điểm khác nhau:

a. Khác với Tiếng Việt, giới từ trong Tiếng Anh có thể đứng ở cuối những câu nghi vấn hoặc câu cảm thán mở đầu bằng **what, who, how, where, whom, why, which** v.v...

Ví dụ: What an attractive girl your daughter has grown *into*! (*Con gái cậu lớn lên duyên dáng biết bao!*)

b. Giới từ Tiếng Anh cũng có thể đứng đầu các câu có mệnh đề khởi ngữ (*clauses beginning with prepositions*) biểu thị phương tiện, cách thức, thời gian, nguyên nhân, nhượng bộ v.v...

Ví dụ: *Without looking up at me*, he said, "Why did your friend go to the museum?" (*Không thèm nhìn tôi anh ấy nói: "Tại sao bạn của anh tới bảo tàng?"*)

3.1.3. Đối chiếu về cấu tạo

3.1.3.1. Những điểm giống nhau:

Trong cả Tiếng Anh lẫn Tiếng Việt giới từ đơn (*simple prepositions*) những giới từ gồm một từ ("*consist of one word*" theo định nghĩa *Randolph Quirk*), là loại giới từ thông dụng nhất.

Ví dụ giới từ đơn.

- Trong tiếng Anh: in, at, on, from, by, with...

- Trong tiếng Việt: tại, bằng, do, cho...

3.1.3.2. Những điểm khác nhau:

Những nhà nghiên cứu Tiếng Anh thường chia giới từ thành hai nhóm cơ bản: giới từ đơn (*simple*

prepositions) và giới từ kép (*complex preposition*). Theo định nghĩa của R.Quirk, giới từ kép (*complex prepositions*) là giới từ do hai hay nhiều từ trong đó có ít nhất một giới từ đơn tạo thành. Giới từ kép là một chuỗi không thể phân chia về cả mặt cú pháp lẫn mặt ngữ nghĩa.

Về mặt cấu tạo, hầu hết giới từ kép thông dụng trong Tiếng Anh được cấu tạo từ:

a. Một trạng từ/giới từ cộng một giới từ (*adverb/prep + prep*).

Ví dụ: away from, together with, into, upon, without, underneath...

b. Một động từ/tính từ/liên từ cộng với một giới từ (*verb/adjective/conjunction/etc + prep*).

Ví dụ: according to, owing to, as long as...

c. Một giới từ cộng với một danh từ cộng với một giới từ (*prep + Noun+ prep*).

Ví dụ: by means of, in spite of, in front of...

So với Tiếng Anh thì số lượng các giới từ có thể xem là giới từ kép trong Tiếng Việt không nhiều. Hơn nữa, giới từ kép Tiếng Việt có thể được dùng trong cùng một ngữ cảnh hết như giới từ đơn hoặc ngược lại.

So sánh:

- *Bởi vì* trời mưa = *vì* trời mưa

- *Tại vì* lười biếng = *vì* lười biếng

- *Tại ở* anh = *Tại* anh.

Giới từ Tiếng Anh và Tiếng Việt có hàng loạt điểm giống nhau về chức năng ngữ pháp, vị trí và cấu tạo:

Trong câu Tiếng Anh cũng như Tiếng Việt, giới từ bao giờ cũng đứng ngay trước danh từ hay đại từ mà nó chi phối để tạo thành giới ngữ. Giới từ trong cả hai ngôn ngữ đều có thể đứng đầu câu phức hợp có mệnh đề biểu hiện nghĩa mục đích, đứng đầu câu trong chức năng trạng ngữ hay có thể đứng cuối câu trong mệnh đề phụ định ngữ. Trong cả hai ngôn ngữ, đều có sự phân biệt giữa giới từ đơn và giới từ kép.

Tóm lại, trong Tiếng Việt, kết hợp của giới từ với từ ngữ đứng sau giới từ để tạo nên giới ngữ có thể được dùng như vị ngữ hay chủ ngữ của câu, trong Tiếng Anh, giới ngữ không có chức năng. Trong Tiếng Anh, ở cấu trúc bị động, giới từ bao giờ cũng phải có mặt còn trong Tiếng Việt thì không bắt buộc. Xét về cấu tạo thì sự phân biệt giới từ đơn và giới từ kép trong Tiếng Anh là rõ ràng hơn Tiếng Việt.

3.2. Đối chiếu giới từ tiếng Anh với giới từ tiếng Việt về đặc điểm ngữ nghĩa

Khi đối chiếu giới từ Tiếng Anh - Việt, chúng tôi sắp xếp giới từ theo từng nhóm như: Giới từ chỉ địa điểm (place), giới từ chỉ thời gian (time), giới từ chỉ nguyên nhân (cause), giới từ chỉ mục đích (purpose). Việc miêu tả theo nhóm giúp chúng tôi thấy được mối liên hệ và sự đối lập giữa các giới từ trong nội bộ nhóm và giữa các nhóm với nhau.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu đối chiếu, chúng tôi không nghiên cứu, đối chiếu tất cả các giới từ có trong nhóm, mà chỉ tập chung nghiên cứu đối chiếu các giới từ chính, tiêu biểu cho nhóm mà thôi.

3.2.1. Giới từ chỉ địa điểm (prepositions of place)

3.2.1.1. Những điểm giống nhau:

Qua những phân tích về nhóm giới từ chỉ địa điểm trong hai ngôn ngữ, chúng tôi nhận thấy:

a. Giới từ trong cả hai ngôn ngữ đều diễn tả những khía cạnh đối lập về ý nghĩa địa điểm: Chỉ vị trí/ chỉ hướng, dương tính/âm tính, tuyệt đối/tương đối.

b. Ngoài những trường hợp kết hợp với danh từ chỉ địa điểm đích thực giới từ trong cả hai ngôn ngữ đều có khả năng kết hợp với những danh từ trừu tượng.

Ví dụ: - In difficulties, in danger, under, order, under compulsion (trong khó khăn, trong gian nguy, theo mệnh lệnh, do cưỡng bách...).

3.2.1.2. Những điểm khác nhau:

a. Trong Tiếng Anh các giới từ chỉ địa điểm thường được phân biệt cụ thể như sau:

- **At**: danh từ đứng với **at** thường biểu thị một điểm (point): **At** the shop (ở cửa hàng), **at** the North Pole (ở Bắc Cực), **at** the end of the road (ở cuối đường).

- **On**: danh từ đứng sau **on** có thể biểu thị:

+ Một đường thẳng (*line*): **on** the River Thames (*bên sông Thames*), **on** the coast (*bên bờ biển*), **on** the boundary (*trên đường biên giới*)...

+ Một mặt phẳng (*surface*): **on** the wall (*trên tường*), **on** the ceiling (*dưới trần nhà*), **on** the back (*sau lưng*)...

- **In**: danh từ đứng sau **in** có thể biểu thị:

+ Một vùng (*area*): **in** the world (*trên thế giới*), **in** the village (*trong làng*), **in** the park (*trong công viên*)...

+ Một vật có thể tích (*volume*): **in** the box (*trong hộp*), **in** the bathroom (*trong nhà tắm*) **in** the church (*trong nhà thờ*)...

Tuy nhiên, giới từ chỉ địa điểm trong Tiếng Việt không có sự phân biệt ý nghĩa như trên.

b. Việc lựa chọn giới từ cụ thể trong Tiếng Việt phụ thuộc rất nhiều vào vị trí của người nói cũng như người nghe. Trong khi đó, Tiếng Anh lại dựa chủ yếu vào vị trí đối tượng sự vật với nhau và đặc tính của sự vật mà danh từ bổ ngữ biểu thị.

So sánh:

- In the house trong/ngoài/trên/dưới nhà

- On the street trong/ngoài/trên/dưới phố

c. Sự phân biệt nghĩa giữa các giới từ tiếng Anh chỉ sự thiệt hơn.

Ví dụ:

- above/on top off/ over

- below/beneath/under/underneath.

3.2.2. Giới từ chỉ thời gian (prepositions of time)

2.1. Những điểm giống nhau:

a. Trong cả Tiếng Anh lẫn Tiếng Việt, nhóm giới từ chỉ thời gian phần nhiều cũng là những giới từ chỉ điểm: in (*trong*), at (*vào*), on (*trên, vào*)...

b. Giới từ trong cả hai ngôn ngữ đều diễn tả những khía cạnh đối lập về ý nghĩa thời gian: thời điểm/ thời đoạn, chính xác/ước chừng.

2.2. Những điểm khác nhau:

a. Sự phân biệt hai nhóm giới từ chỉ thời điểm và thời đoạn trong Tiếng Việt không rõ như Tiếng Anh.

b. Việc lựa chọn giới từ cụ thể trong Tiếng Việt không phụ thuộc vào danh từ đứng sau như trong Tiếng Anh.

3.2.3. Giới từ chỉ nguyên nhân (prepositions of cause)

3.2.3.1. Những điểm giống nhau:

Giới từ chỉ nguyên nhân Tiếng Anh và Tiếng Việt đều biểu thị ý nghĩa về quan hệ nguyên nhân.

Ví dụ: Because of illness, she couldn't go to school.

3.2.3.2. Những điểm khác nhau:

Nhóm giới từ chỉ nguyên nhân trong Tiếng Anh thường chú trọng tới sự phân biệt nguyên nhân vật chất và nguyên nhân tâm lý.

So sánh:

- Because of the rain, we could not go home. (*Vì trời mưa, chúng tôi không thể về nhà được*).

- Her parents had been put to death on account of their faith...(*Cha mẹ cô ta bị đưa vào chỗ chết là do niềm tin của họ...*).

Trái lại, giới từ chỉ nguyên nhân trong Tiếng Việt chú trọng tới phân biệt nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt, xấu hay trung hòa.

+ Giới từ chỉ nguyên nhân dẫn đến kết quả xấu: tại.

Ví dụ: Con hư tại mẹ (tục ngữ).

+ Giới từ chỉ nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt: nhờ.

Ví dụ: Nhờ có anh giúp đỡ, công việc mới tốt đẹp.

+ Giới từ trung hòa: vì, do, bởi...

Ví dụ:

- Vì/do/bởi trời mưa, nên tôi không đi học được.

- Vì/do/bởi chăm học, nên Trang đạt kết quả cao trong học tập.

3.2.4. Giới từ chỉ mục đích (*prepositions of purpose*)

3.2.4.1. Những điểm giống nhau:

Trong cả Tiếng Anh lẫn Tiếng Việt, nhóm giới từ này đều biểu thị ý nghĩa về quan hệ mục đích.

Ví dụ:

- Let me do it for you (*Để tôi làm đùm cho bạn*)

- I'm here to help you do your homework (*Tôi ở đây để giúp bạn làm bài tập*)

3.2.4.2. Những điểm khác nhau:

a. Trong Tiếng Anh ý nghĩa mục đích (*purpose*) của giới từ có mối liên hệ chặt chẽ với ý nghĩa đích (*destination*) của giới từ chỉ địa điểm.

So sánh: "leave *for* motherland" (đi *đến* quê hương) và "scarify *for* motherland" (hy sinh *cho* quê hương)...

Trong Tiếng Việt, các giới từ chỉ mục đích *vì, để, cho* không gắn với nghĩa đích. Ngược lại, những giới từ này có mối liên hệ khá chặt chẽ với ý nghĩa nguyên nhân.

Ví dụ: Chết *vì* tiền là cái chết tầm thường.

"**Vì**" có thể hiểu là nguyên nhân hay mục đích.

b. Vì Tiếng Việt có nhiều giới từ khác nhau chỉ mục đích (*vì, cho, để*) nên cũng có sự phân biệt với nhau về nghĩa. Giới từ *cho* thường đứng trước danh từ hay đại từ, biểu thị những mục đích có tính sự vật. Trong khi đó, *để* chuyên đứng trước động từ và mệnh đề, biểu thị những mục đích có tính hoạt động, còn *vì* thì vừa biểu thị mục đích có tính sự vật lẫn mục đích có tính hoạt động.

Qua việc phân tích, đối chiếu các nhóm giới từ trong hai ngôn ngữ về ngữ nghĩa, có thể thấy những đặc điểm giống nhau ở những điểm sau đây: Giới từ trong cả Tiếng Anh lẫn Tiếng Việt đều diễn tả những khía cạnh đối lập về ý nghĩa địa điểm: vị trí/hướng, dương tính/âm tính, tương đối/tuyệt đối, thời điểm/thời đoạn, chính xác/ước chừng. Phần lớn nhóm từ chỉ thời gian trong Tiếng Anh và Tiếng Việt cũng là những giới từ chỉ địa điểm.

Các giới từ chỉ địa điểm trong Tiếng Anh thường có sự phân biệt với nhau về ý nghĩa phương chiều, trái lại giới từ chỉ địa điểm trong Tiếng Việt không có sự phân biệt này. Trong Tiếng Việt, việc lựa chọn giới từ địa điểm luôn luôn phụ thuộc vào vị trí của người nói, người nghe; còn việc lựa chọn giới từ Tiếng Anh chủ yếu dựa vào vị trí giữa các sự vật với nhau.

4. Kết luận

Trong cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt, cần thiết phải phân biệt giới từ với liên từ. Sự khác biệt tập trung ở chỗ liên từ là những từ biểu thị quan hệ đẳng lập còn giới từ biểu thị quan hệ chính phụ. Trong Tiếng Anh, giới từ còn cần được phân biệt với tiểu trạng từ. Tiểu trạng từ có cùng dạng nhưng khác giới từ về cả đặc tính cú pháp lẫn ý nghĩa ngữ pháp. Trong Tiếng Việt, giới từ còn cần được phân biệt với từ chỉ hướng vận động. Các từ chỉ hướng vận động chỉ chuyển thành giới từ khi chúng không có khả năng kết hợp với phó từ, còn danh từ đi kèm phía sau và gắn với danh từ này. Vì vậy, việc chuyển nghĩa từ tiếng Việt sang tiếng Anh còn gặp nhiều khó khăn và mắc phải nhiều sai lầm khi sử dụng giới từ. Thiếu sự kiên trì, họ thường chán nản mỗi khi gặp bài tập khó. Bởi vốn từ vựng còn hạn chế và kiến thức văn hóa nền chưa cao. Chúng ta chưa phân biệt được sự khác nhau của cách sử dụng giới từ trong tiếng Anh và giới từ trong tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xuân Bá (2001). *Cẩm nang sử dụng giới từ trong tiếng Anh*.
2. Nguyễn Cảnh Hoa (1998). “*Nhận xét về sự khác nhau của một vài giới từ tiếng Việt và tiếng Anh*”. Hội thảo khoa học, Hội ngôn ngữ học Việt Nam, Trang 111-117, Hà Nội.
3. Nguyễn Cảnh Hoa (2001). “*Tìm hiểu về sự có hay vắng mặt của giới từ trong một số cấu trúc tiếng Việt*”. Hội thảo khoa học Ngữ học trẻ, hội ngôn ngữ học Việt nam, trang 43-47, Thái Nguyên.
4. Raymond Murphy, trang 371-383, 2002. *English Grammar in use*. Nhà xuất bản Hà Nội.
5. Mai Lan Hương – Hà Thanh Uyên. *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
6. A.J.Thomson, A.V. Martinet, trang 109-127, 2011. *A Practical English Grammar*. Nhà xuất bản văn hóa - thông tin.

A contrastive study of prepositions in English and Vietnamese

Ta Thi Thanh Huyen

Article info

Received:
13/02/2019
Accepted:
10/9/2019

Keywords:

Prepositions, comparing, functions, English, Vietnamese.

Abstract

In this article, we will only focus on studying and comparing the most basic characteristics of prepositions but I will not study and compare all grammatical characteristics as well as gender semantics from English and Vietnamese. In addition, I will give some specific examples to clarify the characteristics of prepositions.